Ngày dạy 9A...................Sĩ số...................... 9B..................Sĩ số.............................

9C...................Sĩ số...................... 9D..................Sĩ số.............................

**Tiết 58:** **KIỂM TRA HỌC KỲ II – MÔN SINH HỌC LỚP 9**

**( Đề số 2)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Giúp hs củng cố, bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học trong các chương thuộc phần sinh vật và môi trường.

Biết vận dụng lí thuyết làm được bài tập đã học trong các chương thuộc phần sinh vật và môi trường.

**2. Kĩ năng:**

Rèn kỹ năng làm việc độc lập, tư duy phân tích, so sánh, vận dụng

**3. Thái độ:**

Giáo dục ý thức làm bài tự giác, nghiêm túc, trình bày rõ ràng, đẹp.

**4. Định hướng phát triển năng lực, phẩm chất.**

Năng lực chung:Năng lực đọc hiểu và xử lí thông tin, năng lực vận dụng kiến thức.

Năng lực chuyên biệt: Năng lực về kiến thức sinh học.

Phẩm chất: Có trách nhiệm,trung thực, chăm chỉ...

**II. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng thấp** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1. Sinh vật và môi trường** | Biết được các nhân tố sinh thái được phân chia như thế nào | | Hiểu được các đặc điểm của sinh vật sống và phát triển thuận lợi nhất trong điều kiện như thế nào. | |  | | Vận dụng biết được sinh vậtcó giới hạn sinh thái rộng đối với nhiều nhân tố sinh thái | | **5**  **2**  **20%** |
| **Câu**  **Điểm**  **Tỷ lệ%** | **1**  **0,25**  **2,5%** | **1**  **1**  **10%** | **2**  **0,5**  **5%** |  |  |  | **1**  **0,25**  **2,5%** |  |
| **2. Hệ sinh thái** | Biết được các dạng tháp tuổi, hậu quả của việc tăng dân số nhanh. | | Xác định đâu là quần thể sinh vật, xác định các thành phần của lưới thức ăn | | Vận dụng biết được mối quan hệ dinh dưỡng của các loài sinh vật trong hệ sinh thái  Viết được các chuỗi thức ăn | | Viết được một lưới thức ăn | | **5**  **3**  **30%** |
| **Câu**  **Điểm**  **Tỷ lệ%** | **2**  **0,5**  **5%** |  | **1**  **0,25**  **2,5%** | **1**  **1**  **10%** | **1**  **0,25**  **2,5%** | **1**  **1**  **10%** |  | **1**  **1**  **10%** |
| **Con người, dân số và môi trường** | Biết được ô nhiễm môi trường là gì ?  Các hình thức khai thác thiên nhiên của con người thời nguyên thuỷ. | | Hiểu được những hoạt động của con người gây ô nhiễm môi trường .Sự hình thành nền nông nghiệp, con người phải sống định cư, dẫn đến nhiều vùng rừng bị chuyển đổi. | | Vận dụng lí thuyết biết được nguyên nhân gây bệnh đột biến ở người do năng lượng nguyên tử và chất phóng xạ. | | Vận dụng tìm hiểu được nguyên nhân dẫn đến bệnh tả, lị | | **5**  **3**  **30%** |
| **Câu**  **Điểm**  **Tỷ lệ%** | **1**  **0,25**  **2,5%** | **0,5**  **1**  **10%** | **1**  **0,25**  **2,5%** | **0,5**  **1**  **10%** | **1**  **0,25**  **2,5%** |  | **1**  **0,25**  **2,5%** |  |
| **4. Bảo vệ môi trường** | Biết được gió và năng lượng nhiệt từ trong lòng đất được xếp vào nguồn tài nguyên nào | | Hiểu được vai trò của tài nguyên đất, làm thế nào để tài nguyên đất không bị cạn kiệt nguồn dinh dưỡng. | | Vận dụng biết được vì sao sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên.tại sao cần phải bảo vệ hệ sinh thái biển | |  | | **5**  **2**  **20%** |
| **Câu**  **Điểm**  **Tỷ lệ%** | **1**  **0,25**  **2,5%** |  | **2**  **0,5**  **5%** |  | **1**  **0,25**  **2,5%** | **1**  **1**  **10%** |  |  |
| **Tổng**  **Câu**  **Điểm**  **Tỷ lệ%** | **6,5**  **3,25**  **32,5%** | | **7,5**  **4,5**  **45%** | | **4**  **1,75**  **17,5%** | | **2**  **0,5**  **5%** | | **20**  **10**  **100%** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên : ...................................  Lớp 9....   |  |  | | --- | --- | | **Kí ra đề** | **Kí thẩm định đề** | |  |  | | *Ngày tháng năm 2022*  **KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **Đề số 2**  **Môn: Sinh học 9**  Thời gian 45 phút  (*không kể thời gian giao đề*) |

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm | Lời phê của giáo viên |

**III. ĐỀ BÀI**

**A. Trắc nghiệm khách quan: (4 điểm ) Khoanh tròn vào đáp án đứng trước phương án trả lời.( Mỗi câu đúng 0,25 điểm )**

**Câu 1:** Sinh vật sinh trưởng và phát triển thuận lợi nhất ở vị trí nào trong giới hạn sinh thái?

A. Gần điểm gây chết dưới. B. Gần điểm gây chết trên.  
C. Ở điểm cực thuận D. Ở trung điểm của điểm gây chết dưới và điểm gây chết trên

**Câu 2:** Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi:

A. Chúng là nơi ở của các sinh vật khác.  
B. Cơ thể chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.

C. Cơ thể chúng là nơi sinh sản của các sinh vật khác.

D. Các sinh vật khác có thể đến lấy chất dinh dưỡng từ cơ thể chúng.  
**Câu 3:** Những cây gỗ cao, sống chen chúc, tán lá hẹp phân bố chủ yếu ở

A. Thảo nguyên. B. Hoang mạc.

C. Rừng ôn đới. D. Rừng mưa nhiệt đới.

**Câu 4:** Những loài có giới hạn sinh thái rộng đối với nhiều nhân tố sinh thái, thì chúng có vùng phân bố như thế nào?

A. Có vùng phân bố rộng. B. Có vùng phân bố hẹp.  
C. Có vùng phân bố hạn chế. D. Có vùng phân bố hẹp hoặc hạn chế.

**Câu 5:** Nền nông nghiệp hình thành, con người phải sống định cư, dẫn đến nhiều vùng rừng bị chuyển đổi thành

A. Khu dân cư B. Khu sản xuất nông nghiệp  
C. Khu chăn thả vật nuôi. D. Khu dân cư và khu sản xuất nông nghiệp .

**Câu 6:** Năng lượng nguyên tử và chất phóng xạ có khả năng gây đột biến ở người, gây ra một số bệnh

A. Bệnh di truyền và bệnh ung thư. B. Bệnh di truyền

C. Bệnh ung thư D. Bệnh lao.

**Câu 7:** Nguyên nhân dẫn đến bệnh tả, lị

A.Thức ăn không vệ sinh, nhiễm vi khuẩn E. Coli  
B.Thức ăn không rửa sạch  
C.Môi trường sống không vệ sinh  
D.Thức ăn không vệ sinh, nhiễm vi khuẩn E. Coli, thức ăn không rửa sạch, môi trường sống không vệ sinh

**Câu 8:** Gió và năng lượng nhiệt từ trong lòng đất được xếp vào nguồn tài nguyên nào sau đây:

A.Tài nguyên không tái sinh

B.Tài nguyên năng lượng vĩnh cửu  
C.Tài nguyên tái sinh và tài nguyên không tái sinh  
D.Tài nguyên tái sinh

**Câu 9:** Dựa vào yếu tố nào sau đây để xếp đất vào nguồn tài nguyên tái sinh:

A.Trong đất chứa nhiều khoáng sản kim loại  
B.Trong đất có nhiều than đá

C. Đất thường xuyên được bồi đắp bởi phù sa, được tăng độ mùn từ xác động thực vật  
D.Nhiều quặng dầu mỏ, khí đốt trong lòng đất

**Câu 10:** Để làm cho đất không bị cạn kiệt nguồn dinh dưỡng, tận dụng được hiệu suất sử dụng đất – tăng năng suất cây trồng, ta cần phải:

A.Trồng một loại cây nhất định trên vùng đất đó  
B.Thay đổi các loại cây trồng hợp lí (trồng luân canh, trồng xen kẽ)  
C.Trồng cây kết hợp bón phân  
D.Trồng các loại giống mới

**Câu 11:** Có cần phải bảo vệ hệ sinh thái biển không? Tại sao?

A. Hiện nay chưa cần quan tâm đến sự ô nhiễm của biển vì biển vô cùng rộng lớn, hoạt động con người không ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển  
B. Cần vì: Biển đang bị ô nhiễm do các hoạt động giao thông trên biển  
C. Cần vì: Nhiều vùng biển bị ô nhiễm do hoạt động của con người .  
D. Không cần vì: Hàng năm trên thế giới đã có ngày "làm sạch bãi biển"

**Câu 12:** Phát biểu nào sau đây là không đúng với tháp tuổi dạng phát triển?

A. Đáy tháp rộng

B. số lượng cá thể trong quần thể ổn định

C. Số lượng cá thể trong quần thể tăng mạnh

D. Tỉ lệ sinh cao

**Câu 13:** Tăng dân số nhanh có thể dẫn đến tình trạng nào sau đây

A. Thiếu nơi ở, ô nhiễm môi trường, nhưng làm cho kinh tế phát triển mạnh ảnh hưởng tốt đến người lao động

B. Lực lượng lao động tăng, làm dư thừa sức lao động dẫn đến năng suất lao động giảm

C. Lực lượng lao động tăng, khai thác triệt để nguồn tài nguyên làm năng suất lao động cũng tăng.

D.Thiếu nơi ở, nguồn thức ăn, nước uống, ô nhiễm môi trường, tàn phá rừng và các tài nguyên khác.

**Câu 14:** Trong mối quan hệ giữa các thành phần trong quần xã, thì quan hệ đóng vai trò quan trọng nhất là

A. Quan hệ về nơi ở. B. Quan hệ dinh dưỡng

C. Quan hệ hỗ trợ. D. Quan hệ đối địch

**Câu 15:** Năm sinh vật là: Trăn, cỏ, châu chấu, gà rừng và vi khuẩn có thể có quan hệ dinh dưỡng theo sơ đồ nào dưới đây

A. Cỏ → châu chấu → trăn → gà rừng → vi khuẩn

B. Cỏ → trăn →châu chấu → vi khuẩn →gà rừng

C. Cỏ → châu chấu → gà rừng→ trăn →vi khuẩn

D. Cỏ → châu chấu → vi khuẩn → gà rừng → trăn

**Câu 16:** Các hình thức khai thác thiên nhiên của con người thời nguyên thuỷ là

A. Hái quả, săn bắt thú. B. Bắt cá, hái quả.  
C. Săn bắt thú, hái lượm cây rừng. D. Săn bắt động vật và hái lượm cây rừng.

**B. Tự luận: (6 điểm)**

**Câu 17: ( 1,0 điểm ):** a. Các nhân tố sinh thái được phân chia như thế nào?

b. Có các nhân tố sinh thái: rắn hổ mang, mức độ ngập nước, cây thân gỗ, cây cỏ, mưa, gió, ánh sáng, chuột, gỗ mục, sâu ăn lá cây. Hãy sắp xếp các nhân đó vào từng nhóm nhân tố sinh thái.

**Câu 18: ( 2 điểm ):** Ô nhiễm môi trường là gì ? Kể tên những hoạt động của con người gây ô nhiễm môi trường.

**Câu 19:(2,0 điểm):** Trình bày mối quan hệ cùng loài của sinh vật trong quần thể ? Ý nghĩa?

**Câu 20**: **(1,0 điểm) :** Vì sao phải sử dụng hợp lí tài nguyên rừng ?

**Bài làm**

**A. TNKQ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| Đáp án |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
|  |  |  |  |  |  |  |

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**IV. ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **TNKQ** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | | 1 | | 2 | | 3 | | 4 | | 5 | | 6 | | 7 | 8 | 9 | | Đáp án | | C | | B | | D | | A | | D | | A | | D | B | C | | Điểm | | 0,25 | | 0,25 | | 0,25 | | 0,25 | | 0,25 | | 0,25 | | 0,25 | 0,25 | 0,25 | | 10 | 11 | | 12 | | 13 | | 14 | | 15 | | 16 | | | B | C | | A | | D | | B | | C | | D | | | 0,25 | 0,25 | | 0,25 | | 0,25 | | 0,25 | | 0,25 | | 0,25 | | |  |
| **Câu 17** | a. Nhân tố sinh thái được chia thành nhân tố vô sinh và nhân tố hữu sinh. Nhân tố hữu sinh được được phân biệt thành nhân tố con người và nhân tố các sinh vật khác.  b. Có các nhân tố sinh thái: rắn hổ mang, mức độ ngập nước, cây thân gỗ, cây cỏ, mưa, gió, ánh sáng, chuột, gỗ mục, sâu ăn lá cây.  Sắp xếp các nhân đó vào từng nhóm nhân tố sinh thái:  - Nhân tố vô sinh: mức độ ngập nước, gió, mưa, ánh sáng, gỗ mục  - Nhân tố hữu sinh: rắn hổ mang,cây thân gỗ, cây cỏ, sâu ăn lá, chuột | 0,5  0,25  0,25 |
| **Câu 18** | - Ô nhiễm môi trường là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn, các tính chất vật lí, hóa học, sinh học của môi trường bị thay đổi, gây tác hại tới đời sống của con người và các sinh vật khác.  - Những hoạt động của con người gây ô nhiễm môi trường:  + Hái lượm, săn bắt động vật hoang dã, đốt rừng lấy đất trồng trọt  + Chăn thả gia súc, khai thác khoáng sản bừa bãi, phát triển nhiều khu dân cư, chiến tranh, chặt phá rừng bừa bãi... | 1  0,5  0,5 |
| **Câu 19** | - Các sinh vật cùng loài sống gần nhau liên hệ với nhau hình thành nên nhóm cá thể. Trong một nhóm cá thể có những mối quan hệ :  + Hỗ trợ: Sinh vật được bảo vệ tốt hơn, kiếm được nhiều thức ăn  + Cạnh tranh: Khi gặp điều kiện bất lợi các cá thể cùng loài các cá thể cùng loài cạnh tranh lẫn nhau, ngăn ngừa gia tăng số lượng cá thể và sự cạn kiệt nguồn thức ăn, một số cá thể có thể tách ra khỏi nhóm để sống riêng.  - Ý nghĩa: giúp sinh vật thích nghi được với môi trường sống | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **Câu 20** | - Rừng là nguồn cung cấp nhiều loại lâm sản quý như gỗ, thuốc chữa bệnh  - Rừng có vai trò quan trọng trong việc điều hòa khí hậu, ngăn chặn lũ lụt và xói mòn đất...  - Rừng giúp bảo vệ các nguồn gen sinh vật, giữ cân bằng sinh thái.  - Diện tích rừng đang bị khai thác mạnh và ngày càng bị thu hẹp.. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày tháng năm 2022.*  NGƯỜI THẨM ĐỊNH ĐỀ  **Mã Thị Hoa** | *Ngày tháng năm 2022.*  NGƯỜI RA ĐỀ  **Hoàng Thị Trang** |